

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HSST

Ngày 28- 07- 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Thượng;

Ông Phạm Hữu Triều.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 06 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/ QĐXXST-HS ngày 16 tháng 06 năm 2022 đối với bị cáo:

V1, sinh ngày 08- 08- 1994; Nơi sinh: Huyện G1, tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Xóm xxx, xã H1, huyện G1, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: K1, họ tên mẹ: H1; Họ tên vợ: T1, sinh năm 1999; có 02 con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh ngày 04- 06- 2022); Nhân thân: Từ tháng 02- 2013 đến tháng 7- 2014, tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 103 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 14- 04- 2022. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05- 04- 2022 đến 14- 04- 2022, chuyển áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Bị hại: Ông K2, sinh năm 1960, (Đã chết);

Người đại diện hợp pháp của ông K2:

-Bà S1, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Thôn L1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình- Là vợ ông K2. Có mặt.

-Anh T4, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình- Là con ông K2. Vắng mặt.

-Chị L1, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình- Là con ông K2. Vắng mặt.

-Chị H2, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn N1, xã T5, huyện T3, tỉnh Thái Bình- Là con ông K2. Có mặt.

-Anh T6, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn L1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình- Là con ông K2. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S1, anh T4, chị L1 là anh T6. (Văn bản ủy quyền ngày 12- 04- 2022). Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà N2, sinh năm 1969; nơi cư trú: Xóm xxx, xã G2, huyện G1, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

Người làm chứng:

-Anh T7, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Xóm xxx, xã G2, huyện G1, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

-Ông V2, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn L2, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo có giấy phép lái xe hạng C, được phép điều khiển xe ô tô tải có trọng tải từ 3.500kg trở lên. Hồi 05 giờ 00 ngày 05- 04- 2022, bị cáo điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 29H- 779.37 nhãn hiệu ISUZU trên đường quốc lộ 37B theo hướng từ huyện T3 đến huyện Tiền Hải. Đến Km8 + 600 khu vực ngã ba giao nhau đường quốc lộ 37B với đường vào thôn L1, xã T2; xe ô tô do bị cáo điều khiển đã đâm va vào chiếc xe đạp do ông K2 điều khiển đi ngược chiều, đang chuyển hướng rẽ trái. Ông K2 bị ngã, xe đạp bị đổ tại phần đường bên phải theo chiều đi của bị cáo. Bị cáo dừng và xuống xe, đi đến gần nơi ông ngã; thấy ông nằm bất động nên bị cáo hoảng sợ, quay trở lại xe rồi lái xe ô tô về hướng huyện T8; đến 06 giờ 50 bị cáo đến Công an huyện K3 đầu thú. Ông K2 được đưa cấp cứu tại bệnh viện Đa khoa Thái Bình nhưng đã chết cùng ngày. Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường xác định: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là khu vực ngã ba giao nhau giữa quốc lộ 37B và đường vào thôn L1, xã T2. Mặt đường xe chạy quốc lộ 37B rộng 11m, phẳng, nhẵn, không bị che khuất tầm nhìn, trên mặt đường có vạch sơn vàng, đứt quãng. Hai bên là lề đường gạch, rộng 5m; tiếp giáp hai bên lề đường là khu vực dân cư. Mặt đường xe chạy vào thôn L1, xã T2 rộng 4,8m, đổ bê tông phẳng, nhẵn, hai bên là khu vực dân cư. Đoạn đường tiếp giáp quốc lộ 37B với đoạn đường vào thôn L1 rộng 7,7m. Kết luận giám định pháp y tử thi đối với ông K2: “*Đa chấn thương vùng đầu và toàn thân do tai nạn giao thông làm vỡ phức tạp xương sọ vùng thái dương đỉnh phải, dập não. Nạn nhân K2 chết do chấn thương sọ não*”.

Các chứng cứ chứng minh: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường; Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Báo cáo vụ việc của Công an xã 2; Bản ảnh phương tiện; Biên bản khám nghiệm tử thi; Bản ảnh tử thi; Kết luận giám định pháp y tử thi đối với ông K2 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Các vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả cho chủ xe là bà N2: 01 thẻ nhớ; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU, biển kiểm soát 29H- 779.37 và 01 chứng nhận đăng ký xe; 01

giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 29H- 779.37 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe biển kiểm soát 29H- 779.37; đã trả cho anh T6 01 chiếc xe đạp mini; đã trả cho bị cáo 01 giấy phép lái xe.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Hồi 04 giờ 50 ngày 05- 04- 2022, sau khi giao hàng ở Hải Phòng, bị cáo điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát xxx đi về Nam Định qua địa bàn huyện T3, tỉnh Thái Bình; trên xe có anh T7 ngồi ghế phụ xe. Bị cáo điều khiển xe đến Km8 + 600 khu vực ngã ba giao nhau đường quốc lộ 37B với đường vào thôn L1, xã T2; nhìn thấy biển báo đường giao nhau nên bị cáo đã giảm tốc độ xe. Bị cáo quan sát qua ánh đèn xe thấy có một người đàn ông (là ông K2) đi xe đạp, hướng ngược chiều xe bị cáo, đang sang đường ngay sát phía trước đầu xe bị cáo. Bị cáo điều khiển xe sang phía bên trái để tránh nhưng do khoảng cách quá gần nên không tránh kịp: Phần đầu xe tải do bị cáo điều khiển đã va chạm với phần phía sau xe đạp do ông K2 điều khiển làm cho ông ngã văng ra đường, xe đạp bị đổ. Đoạn đường nơi va chạm là phần đường gần phía lề đường bên phải theo chiều đi của bị cáo. Bị cáo điều khiển xe đi qua nơi ông K2 ngã một đoạn rồi dừng lại; xuống xe đi lại nơi ông ngã. Thấy ông K2 nằm bất động, chảy máu đầu nên bị cáo nghĩ là ông đã chết. Quá hoảng sợ nên bị cáo đã quay trở lại lái xe bỏ chạy về hướng huyện T8, trên đường đi bị cáo đến Công an huyện K1 đầu thú. Nguyên nhân tai nạn do bị cáo không quan sát, không giảm tốc độ đến có thể dừng một cách an toàn nên đã gây tai nạn giao thông. Bị cáo đã bồi thường chi phí đưa nạn nhân đi cấp cứu, viện phí, chi phí mai táng, thiệt hại về tính mạng và các khoản khác cho gia đình bị hại số tiền 60.000.000đồng; gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường thêm.

Người đại diện của bị hại là bà S1, anh T4, chị L1, chị H2 và anh T6 trình bày: Bà S1 là vợ; anh T4, chị L1, chị H2 và anh T6 là con ông K2. Anh T6 là người đại diện theo ủy quyền của bà S1; anh T4 và chị L1. Sau khi vụ tai nạn xảy ra, gia đình đã đưa ông K2 đi điều trị nhưng ông đã chết hồi 09 giờ 35 phút ngày 05- 04- 2022. Bị cáo đã bồi thường cho gia đình khoản tiền cứu chữa, chi phí mai táng là 60.000.000đồng theo thỏa thuận của hai gia đình. Gia đình đã nhận đủ. Ngoài ra, gia đình không yêu cầu bồi thường đôi với khoản tiền cấp dưỡng; không yêu cầu bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần; cũng không yêu cầu bồi thường về chiếc xe đạp bị hư hỏng; không yêu cầu bồi thường thêm bất cứ khoản nào khác; có đơn xin miễn truy cứu đối với bị cáo. Tại phiên tòa, bà S1 chị H2 và anh T6 đề nghị giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho bị cáo; cho bị cáo hưởng án treo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà N2 trình bày: Bà là chủ chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát xxx; bị cáo là lái xe tải chở hàng thuê cho bà. Tối ngày 04- 04- 2022, bà giao xe cho bị cáo đi giao hàng hải sản tại Hải Phòng và thị trấn D5; khi trở về, bị cáo gây tai nạn. Bà đã nhận lại xe; không có yêu cầu gì.

Người làm chứng là anh T7 trình bày: Sau khi giao hàng tại Hải Phòng xong thì bị cáo điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát xxx trở về Nam Định, anh ngồi ghế phụ xe. Khoảng 05 giờ sáng thì đi đến khu vực ngã ba giao nhau đường quốc lộ 37B với đường vào thôn L1, xã T2. Khi này, trời không mưa, ánh sáng mập mờ, trên đường ngoài xe bị cáo thì còn có 5 đến 7 người đi xe đạp tập thể dục, hướng ngược

chiều xe bị cáo. Một người trong nhóm người đi xe đạp đó bắt ngờ rẽ sang đường. Bị cáo đã phanh xe nhưng khoảng cách đã quá gần (khoảng từ 5m đến 7m) nên vẫn xảy ra tai nạn, người đàn ông đi xe đạp sang đường bị ngã và bất tỉnh. Bị cáo đã xuống xe đi đến gần người đàn ông bị ngã; sau đó bị cáo quay trở về xe và nói có thể ông đó đã chết, phải đi trình báo Công an. Bị cáo điều khiển xe đến Công an huyện K1 trình báo.

Người làm chứng là ông V2 trình bày: Hồi 04 giờ 35 ngày 05- 04- 2022, ông đi thể dục bằng phương tiện xe đạp. Vị trí xảy ra tai nạn là khu vực ngã ba giao nhau đường quốc lộ 37B với đường vào thôn L1, xã T2; khi này đường vắng, trời tối, không có ánh sáng đèn đường, trời không mưa, đường khô ráo. Khi còn cách nơi xảy ra tai nạn khoảng 30m, ông nghe thấy tiếng va chạm. Ông nhìn thấy chiếc xe ô tô tải màu trắng biển kiểm soát 29H- 779.37 đi khoảng 30 mét thì dừng lại; người lái xe cùng ông đi đến nơi có người bị nạn. Khoảng 01 phút sau thì người này quay lại xe, sau đó xe chạy về hướng đi xã T9. Tại hiện trường, ông K2 bị ngã nằm trên mặt đường 37B cách mép đường bên phải khoảng 1,5m (theo hướng đi từ thị trấn D5 đến xã T9); chảy máu ở đầu. Chiếc xe đạp cách nơi ông K2 ngã khoảng 05m.

Bản cáo trạng số 58/CT-VKSTT ngày 01- 06- 2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14. Kiểm sát viên đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”; đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 05 (Năm) năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Công nhận thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và đại diện bị hại. Bị cáo phải nộp án phí.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, trình bày hoàn cảnh khó khăn, xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều trình bày: Sáng ngày 05- 04- 2022, khi tham gia giao thông, bị cáo đã

vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ; đó là nguyên nhân gây tai nạn giao thông, hậu quả ông K2 bị chết. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Khi tham gia giao thông, bị cáo đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ; thể hiện: Khi đến đoạn đường khu vực ngã ba giao nhau giữa đường ưu tiên và đường không ưu tiên, bị cáo đã không quan sát, không giảm tốc độ đến mức có thể dừng lại một cách an toàn. Vì thế, khi phát hiện có xe ngược chiều, có người sang đường, bị cáo đã gây tai nạn giao thông, hậu quả chết người, hư hỏng tài sản. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT- BGTVT Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ ngày 29 tháng 08 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải; đã vi phạm khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 11 và khoản 17 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ; đã xâm phạm đến an toàn công cộng; là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi vô ý, hậu quả làm chết người, hư hỏng tài sản; sau khi gây tai nạn, bị cáo bỏ chạy nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội phạm và điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Thông tư số 31/2019/TT- BGTVT Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ ngày 29 tháng 08 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định:

“Điều 5. Các trường hợp phải giảm tốc độ

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

1. Có biển cảnh báo nguy hiểm...”.

Luật giao thông đường bộ quy định:

“Điều 9. Quy tắc chung:

1. *Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ...”.*

“Điều 11. Chấp hành báo hiệu đường bộ:

1. *Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ...”.*

“Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm:

1.

17. *Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm...”.*

“Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. *Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a) *Làm chết người;*

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

c) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm...

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.”.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có thời gian phục vụ trong Quân đội, đầu thú, gia đình bị hại đề nghị giảm nhẹ; vụ án xảy ra bị hại cũng có lỗi. Vì vậy, bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người lao động, tuy phạm tội với lỗi vô ý nhưng hành vi của bị cáo phải xử lý về hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng có thể giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Không áp dụng hình phạt phụ là cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo.

[4]. Về vật chứng, xử lý vật chứng: Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã trả cho chủ xe là bà N2: 01 thẻ nhớ; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU, biển kiểm soát xxx và 01 chứng nhận đăng ký xe; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát xxx và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe biển kiểm soát xxx; đã trả cho anh T6: 01 chiếc xe đạp mini; đã trả cho bị cáo 01 giấy phép lái xe.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận: Bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền: 60.000.000 đồng (Đã bồi thường xong). Những người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên cần công nhận thỏa thuận này.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000, đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo đã bồi thường trước khi mở phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên bị cáo không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo V1 phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Xử phạt: Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 260; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo; thử thách 05 (Năm) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28 tháng 07 năm 2022.

-Trong thời gian thử thách, giao bị cáo V cho Ủy ban nhân dân xã H1, huyện G1, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

-Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Các vấn đề trong thi hành án treo:

3.1). -Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi cùng huyện nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện nơi cư trú thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3.2). Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 591, Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Công nhận thỏa thuận: Bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền 60.000.000đồng (Đã bồi thường xong).

5. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000,đồng án hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, đối với người có mặt, kể từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt, kể từ ngày được

giao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tòng

“Điều 5. Các trường hợp phải giảm tốc độ

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

- 1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;*
- 2. Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế;*
- 3. Qua nơi đường bộ giao nhau cùng mức; nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; đường vòng; đường có địa hình quanh co, đèo dốc; đoạn đường có mặt đường hẹp, không êm thuận;*
- 4. Qua cầu, cống hẹp; đi qua đập tràn, đường ngầm, hầm chui; khi lên gần đỉnh dốc, khi xuống dốc;*
- 5. Qua khu vực có trường học, bệnh viện, bến xe, công trình công cộng tập trung nhiều người; khu vực đông dân cư, nhà máy, công sở tập trung bên đường; khu vực đang thi công trên đường bộ; hiện trường xảy ra tai nạn giao thông; ...”.*